

Số: 2306/TB-UBND

Phú Lâm, ngày 13 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

**Về việc công khai số liệu công khai số liệu
thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 của UBND phường Phú Lâm**

Căn cứ luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của thông tư 61/2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số 7368/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của UBND quận Hà Đông về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của quận Hà Đông giao cho phường Phú Lâm

Căn cứ quyết định số 7116/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 của UBND phường Phú Lâm

UBND Phường Phú Lâm thông báo:

1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 của UBND phường Phú Lâm

Thời gian công khai từ ngày 14/7/2022 đến ngày 14/8/2022

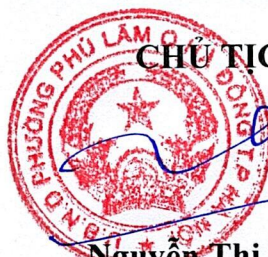
Địa điểm công khai: Tại trụ sở UBND phường Phú Lâm

2. Trong thời hạn trên, nếu ai có điều gì thắc mắc, khiếu nại thì nộp đơn về văn phòng UBND phường để tổng hợp giải quyết.

Vậy UBND phường Phú Lâm thông báo để nhân dân và cán bộ biết, đồng thời phối kết hợp cùng UBND phường giám sát việc thực hiện dự toán ngân sách năm 2022./. *ly*

Nơi nhận:

- UBND quận Hà Đông;
- Phòng TC-KH;
- Đảng uỷ - UBND phường;
- Đài TT phường;
- Các đơn vị, bộ phận;
- Lưu: VT, TC.



Nguyễn Thị Thịnh

Đơn vị: UBND phường Phú Lãm

Chương: 799

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Theo quyết định số 7116/QĐ-UBND ngày 013 Tháng 7 năm 2022 của UBND phường Phú Lãm.

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 sau bổ sung (Chuyển nguồn)	Ước TH 6 tháng đầu năm 2022	Ước TH/DT năm(%)	Ước TH 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (%)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	5.662.000.000	1.966.684.000	35	
1	Dự toán giao UBND phường thu	1.641.000.000	213.684.000	13	
1.1	Lệ phí	140.000.000	52.367.000	37	
1.2	Thuế SD đất PNN	1.286.000.000	28.494.000	2	
1.3	Hoa lợi công sản trên đất công	165.000.000	87.073.000	53	
1.4	Thu khác	50.000.000	45.750.000	92	
2	Dự toán giao thu phối hợp với cơ quan thuế	4.021.000.000	1.753.000.000	44	
2.1	Phí môn bài	65.000.000	65.000.000	100	
2.2	Thuế GTGT - TNDN	3.956.000.000	1.688.000.000	43	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.624.098.736	3.463.859.007	40	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.605.880.436	1.505.161.713	42	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.018.218.300	1.958.697.294	39	
1	Chi quản lý hành chính	6.611.299.636	2.469.661.883	37	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.605.880.436	1.505.161.713	42	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.005.419.200	964.500.170	32	
-	UBND phường	4.461.896.436	1.592.327.455	36	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.390.519.436	995.960.085	42	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.071.377.000	596.367.370	29	
-	Đảng ủy phường	934.799.200	362.326.780	39	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	465.469.000	216.613.780	47	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	469.330.200	145.713.000	31	
-	Khối đoàn thể	1.075.351.000	480.818.248	45	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	672.565.000	270.124.448	40	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	402.786.000	210.693.800	52	
-	Các TC xã hội	139.253.000	34.189.400	25	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	77.327.000	22.463.400	29	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	61.926.000	11.726.000	19	
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	267.493.600	44.871.000	17	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	267.493.600	44.871.000		
3	Chi bảo đảm xã hội	679.445.400	542.620.000	80	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	679.445.400	542.620.000		
4	Chi hoạt động kinh tế	118.586.600	8.800.000	7	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	118.586.600	8.800.000		
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	26.549.100	15.600.000	59	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 sau bổ sung (Chuyển nguồn)	Ước TH 6 tháng đầu năm 2022	Ước TH/DT năm(%)	Ước TH 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (%)
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	26.549.100	15.600.000		
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	70.797.600	30.195.000	43	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	70.797.600	30.195.000		
7	Chi sự nghiệp truyền thanh	35.398.800	4.500.000	13	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	35.398.800	4.500.000		
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	53.098.200	14.568.400	27	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	53.098.200	14.568.400		
9	Chi quốc phòng	363.307.200	140.487.624	39	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	363.307.200	140.487.624		
10	Chi an ninh	353.122.600	147.555.100	42	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	353.122.600	147.555.100		
11	Chi khác	45.000.000	45.000.000	100	
11.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	45.000.000	45.000.000		

